

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 7
TRƯỜNG TIỂU HỌC ĐÌNH BỘ LĨNH

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường tiểu học, năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học/số lớp	50/27	
II	Loại phòng học		
1	Phòng học kiên cố	50	
2	Phòng học bán kiên cố	0	
3	Phòng học tạm	0	
4	Phòng học nhờ, mượn	0	
III	Số điểm trường lẻ		
IV	Tổng diện tích đất (m²)	CS1: 4365,6 m ² CS2: 2939,6 m ²	
V	Diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	CS1: 752 m ² CS2: 936 m ²	
VI	Tổng diện tích các phòng		
1	Diện tích phòng học (m ²)	CS1: 48 m ² CS2: 36 m ²	
2	Diện tích thư viện (m ²)	CS1: 95 m ² CS2: 18 m ²	
3	Diện tích phòng giáo dục thể chất hoặc nhà đa năng (m ²)	0	
4	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật (m ²)	56m ²	
5	Diện tích phòng ngoại ngữ (m ²)	56m ²	
6	Diện tích phòng học tin học (m ²)	56m ²	
7	Diện tích phòng thiết bị giáo dục (m ²)	56m ²	
8	Diện tích phòng hỗ trợ giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập (m ²)	24 m ²	
9	Diện tích phòng truyền thống và hoạt động Đội (m ²)	56m ²	
VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)		
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định		
1.1	Khối lớp 1	10	
1.2	Khối lớp 2	4	
1.3	Khối lớp 3	4	
1.4	Khối lớp 4	4	
1.5	Khối lớp 5	4	
2	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu so với quy định		
2.1	Khối lớp 1	0	

2.2	Khối lớp 2	10	
2.3	Khối lớp 3	2	
2.4	Khối lớp 4	2	
2.5	Khối lớp 5	0	
VIII	Tổng số máy vi tính đang được sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)		
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		
1	Ti vi	40	
2	Cát xét	0	
3	Đầu Video/đầu đĩa	0	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	1	
5	Thiết bị khác...	0	
6			

	Nội dung	Số lượng(m ²)
X	Nhà bếp	0
XI	Nhà ăn	1 (160 m²)

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m ²)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	Phòng nghỉ cho học sinh bán trú	0	0	0
XIII	Khu nội trú	0	0	0

XIV	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	8		10		2,8 m ² /học sinh
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 41/2010/TT-BGDĐT ngày 30/12/2010 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

		Có	Không
XV	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	x	
XVI	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	x	
XVII	Kết nối internet	x	
XVIII	Trang thông tin điện tử (website) của trường	x	
XIX	Tường rào xây	x	

Quận 7, ngày tháng 6 năm 2021



PHẦN TRƯỞNG

Phan Thanh Phong